Panium - Số Mười Tám

Ba lần 250

Jeff Pippenger
2026-02-25

Giờ đây chúng ta sẽ khảo sát một số hàm ý của câu mười hai trong sách Đa-ni-ên chương mười một, và sau đó, đặt ba dòng "250" năm vào bối cảnh lịch sử của các câu mười một đến mười lăm, vốn đã được ứng nghiệm tại trận Panium vào năm 200 TCN. Dòng "250" năm khởi đầu vào năm 457 TCN kết thúc vào năm 207 TCN, ở giữa giai đoạn bắt đầu với trận Raphia và kết thúc với trận Panium. Khoảng "250" năm trong dòng của Nêrô kết thúc bằng lịch sử ba bước của Constantine, được biểu thị bởi các năm 313, 321 và 330. Khoảng "250" năm của Hoa Kỳ kết thúc vào ngày 4 tháng 7 năm 2026.

Dòng Nêrô biểu trưng cho lịch sử của thời kỳ thử nghiệm hình tượng của con thú, trước hết tại Hoa Kỳ, rồi trên toàn thế giới. Dòng năm 457 TCN đặt Trump vào một trung điểm về quân sự giữa hai trận chiến. Giai đoạn khởi đi từ năm 1776 cũng đánh dấu một trung điểm cho nhiệm kỳ tổng thống cuối cùng của Trump. Để đặt những dòng này vào vị trí đúng đắn của chúng, trước hết chúng ta sẽ đề cập đến câu mười hai, và sự sụp đổ của Nga và Putin. Rồi đến ba dòng "250" năm, rồi dòng của Vương triều Hasmônê. Với những dòng ấy đã được đặt đúng chỗ, chúng ta sẽ đặt Phêrô tương ứng với Panium. Khi những dòng ấy đã ở đúng vị trí, chúng ta sẽ có thể nhận ra cách thức thông điệp ngày 18 tháng 7 năm 2020 cần được chỉnh sửa và công bố, và rằng đó là thông điệp của sách Giô-ên.

Vua Uzziah của Giu-đa & Ptolemy, Vua Ai Cập

Lịch sử đã ứng nghiệm câu 11 tại trận Raphia tương ứng với lịch sử của vua Ô-xia. Khi Ê-sai được thanh tẩy và được ban quyền năng để công bố sứ điệp về mưa cuối mùa, sự kêu gọi của ông đã đến vào năm vua Ô-xia băng hà.

> Năm vua U-xia băng hà, tôi thấy Chúa ngồi trên ngôi, cao cả và được tôn cao; tà áo Ngài đầy dẫy đền thờ. Ê-sai 6:1.

Cái chết của Uzziah được báo trước bởi cuộc phản nghịch ông bộc lộ, cuộc phản nghịch ấy song hành và phù hợp với cuộc phản nghịch của Ptolemy ngay sau chiến thắng tại trận Raphia. Uzziah và Ptolemy là những biểu tượng của một vị vua phương Nam có lòng kiêu ngạo, kẻ nổi loạn bằng cách tìm cách kết hợp thẩm quyền nhà nước của mình với thẩm quyền của giáo hội. Khi Uzziah toan kết hợp giáo hội và nhà nước, bệnh phong trên trán ông là hình bóng của dấu của con thú.

> Và thiên sứ thứ ba theo sau họ, cất tiếng lớn nói: Nếu ai thờ lạy con thú và tượng của nó, và nhận dấu của nó trên trán mình hoặc trên tay mình, thì người ấy cũng sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời, là rượu được rót ra nguyên chất vào chén cơn giận của Ngài; và người ấy sẽ bị hành hạ bằng lửa và diêm sinh trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con. Khói của sự hành hạ họ bốc lên đời đời; họ không có sự yên nghỉ ngày cũng như đêm, những

kẻ thờ lạy con thú và tượng của nó, và bất cứ ai nhận dấu của tên nó. Khải Huyền 14:9-11.

Vậy Uzziah tượng trưng cho một cái chết tiệm tiến kể từ lúc ông phản nghịch, tìm cách hợp nhất giáo hội và nhà nước. Khi ấy ông tượng trưng cho một giai đoạn đồng nhiếp chính mất thực quyền với con trai mình kéo dài mười một năm. Uzziah sống thêm mười một năm sau cuộc phản nghịch. Khởi điểm cuộc phản nghịch của ông tượng trưng cho luật về ngày Chúa nhật, trong đó giáo hội và nhà nước được hợp nhất và dấu của con thú bị cưỡng bách. Mười một năm sau, ông qua đời, tượng trưng cho sự kết thúc triều đại của ông với tư cách là vua của vương quốc miền Nam, tức Giu-đa, tức là Đất Vinh Hiển, tức là Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Trong mối tương quan tiên tri với Ptolemy, Uzziah đại diện cho Giu-đa, đất vinh hiển và chủ nghĩa Tin Lành bội đạo; còn Ptolemy đại diện cho Ai Cập, là quyền lực của Con Rồng, mà tôn giáo của nó là chủ nghĩa duy linh. Khi hai vua được xét như những đường thẳng song song, Uzziah thôi không còn là một minh họa của đất vinh hiển nữa, và cả hai cùng trở thành một biểu tượng của hai dân tộc. Ai Cập và Giu-đa là những biểu tượng cho các tôn giáo của chủ nghĩa duy linh và Tin Lành bội đạo. Chúng là một biểu tượng của nhà nước và giáo hội. Thuật trị quốc và thuật trị giáo hội mà chúng đại diện, khi được sắp thẳng hàng như một biểu tượng duy nhất, bao gồm hai dân tộc—như Mê-đi và Ba Tư; như Ai Cập và Sô-đôm của nước Pháp; như hai sừng Cộng hòa và Tin Lành của Hoa Kỳ; như các vương quốc phương bắc và phương nam của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa; cũng như La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Là một biểu tượng của hai vương quốc, chúng được ràng buộc với nhau theo phương diện tiên tri bởi đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, nơi cả Uzziah và Ptolemy đều tìm cách dâng tế lễ tại đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Hai dân tộc đều phản nghịch tại cùng một đền thánh.

Điều quan trọng cần lưu ý là sự phản nghịch của cả hai vị vua đều có liên hệ đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, vốn là biểu tượng của đền thờ nơi Đa-ni-ên đã thấy Đấng Christ trong chương mười. Lịch sử của cả hai vị vua này trùng khớp tại Chiến tranh Ukraina, và qua đó họ khởi đầu lời chứng của mình vào năm 2014. Cả hai đều được tôn cao nhờ những chiến thắng quân sự, được tượng trưng bởi trận Ra-phia trong câu mười một. Ra-phia đánh dấu vùng biên giới của vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh và của liên minh ba phần của luật ngày Chủ nhật. Nó cũng là ranh giới của sự chuyển tiếp từ Hội Thánh chiến đấu sang Hội Thánh khải hoàn.

Sau năm 2014, vị vua giàu nhất tuyên bố ý định tranh cử tổng thống vào năm 2015. Năm 2020, sừng của Đảng Cộng Hòa, do vị vua giàu nhất đại diện, đã nhận lãnh vết thương chí tử, là vết thương rồi sẽ được chữa lành. Năm 2022, Chiến tranh Ukraina leo thang. Sau đó Trump trở lại, ứng nghiệm câu mười ba, trong cuộc bầu cử năm 2024. Tháng Bảy năm 2023, một tiếng kêu trong đồng vắng vang lên. Ngày 31 tháng 12 năm 2023, sừng Kháng Cách được phục sinh; và tương tự, sừng của Đảng Cộng Hòa cũng được phục sinh trong cuộc bầu cử năm 2024, khi Trump trở lại; rồi đến năm 2025, kỳ thử thách nền tảng kết thúc với sự xuất hiện của kỳ thử thách đền thờ.

1989

Những lẽ thật được mở ấn vào năm 1989 bao gồm hai phương diện. Những sự song hành tiên tri của các phong trào cải chánh và sáu câu cuối của Đa-ni-ên chương mười một đã được mở ấn đồng thời. Có một số nguyên tắc tiên tri đã được vận dụng để thiết lập sứ điệp ban đầu của câu bốn

mươi. Một số những lẽ thật ấy hiện nay chính là chìa khóa cho lịch sử ẩn tàng của chính câu ấy, nơi các báu vật tiên tri ấy đã được khám phá. Tôi xin nêu một ví dụ.

Năm 1989, trong giới Phục Lâm không có một sự hiểu biết thống nhất về việc sáu câu cuối của sách Đa-ni-ên nói về điều gì. Sự thiếu thống nhất ấy có hai mặt. Không có sự đồng thuận về ý nghĩa của các câu ấy. Những người tự xưng có sự hiểu biết về các câu ấy đã đưa ra những tư tưởng thuộc về loài người, pha trộn với thần học của Tin Lành bội đạo và Công giáo — đó là di sản quyền trưởng nam họ nhận từ các tiền nhân trong cuộc phản loạn năm 1863, khi chính các tiền nhân ấy đã làm trọn vai trò của vị tiên tri bất tuân trong cuộc phản loạn khai lập của Giê-rô-bô-am. Những quan niệm cá nhân ấy về các câu Kinh Thánh, cùng lắm, cũng chỉ là những tư giải. Những quan niệm của họ về các câu ấy hoặc trái với nguyên tắc áp dụng tiên tri căn bản, và thường mâu thuẫn với chính tiền đề về các câu ấy do họ tự mình xác định.

Điều chúng tôi thấy trong các câu ấy là một cách hiểu nhất quán xuyên suốt cả sáu câu. Chính tính nhất quán của sứ điệp mà chúng tôi nhận thấy đã khích lệ tôi trình bày cách hiểu của mình, ngay cả khi tôi biết rằng toàn thể phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đều bác bỏ điều tôi hiểu. Những điều chúng tôi hiểu về các câu ấy đã được công bố lần đầu vào năm 1996, và cách hiểu được trình bày khi ấy chỉ càng được củng cố vững chắc hơn khi thời gian tiến bước qua ba mươi năm!

Nếu bạn xem xét trích dẫn đầu tiên trong tạp chí The Time of the End, bạn sẽ thấy Testimonies, tập 9, trang 11. Năm năm trước 9/11, tạp chí bắt đầu bằng 9/11. Một trong những sự hiểu biết đã khích lệ tôi là nhận ra rằng ở "thời kỳ cuối cùng" trong câu bốn mươi, các vua phương bắc và phương nam là những quyền lực thuộc linh, chứ không phải quyền lực theo nghĩa đen. Khi ấy, tôi đã biết rằng Bà White nói rằng các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền là cùng một quyển sách, và rằng cùng một mạch tiên tri có trong Đa-ni-ên được Giăng tiếp nhận trong Khải Huyền. Tôi đã nhận thấy rằng trong Khải Huyền chương mười một, vốn được ứng nghiệm trong lịch sử xoay quanh thời kỳ cuối cùng vào năm 1798; lời chú giải của Bà White về chương này dạy một cách rõ ràng rằng nước Pháp là Ai Cập thuộc linh; và bà cũng minh bạch không kém rằng trong Khải Huyền chương mười bảy, dâm phụ ngồi trên con thú là Ba-by-lôn thuộc linh.

Việc Bà White xác định hai quyền lực ấy được trình bày trong The Great Controversy, và những nhận định ấy liên kết lời chứng của Giăng và Đa-ni-ên. Định nghĩa về "vua phương nam" trong Đa-ni-ên đoạn mười một là quyền lực kiểm soát Ai Cập, và "vua phương bắc" là quyền lực kiểm soát Ba-by-lôn. Khi Kinh Thánh và Thần Linh của Lời Tiên Tri cùng hoạt động song hành để thiết lập một lẽ thật bằng cách đưa sách Đa-ni-ên và Khải Huyền lại với nhau nhằm chứng minh điều ấy, thì đó là điều tôi không bao giờ có thể nhượng bộ trước bất kỳ nhà thần học lầm lạc nào, hoặc một lãnh đạo tự xưng lầm lạc của một mục vụ tự lực.

Hiểu Ptolemy và Uzziah như những biểu tượng của trận Raphia và những hệ lụy xảy ra sau khi lòng họ tự cao, tức là phải chịu chi phối bởi thực tế rằng Ptolemy đại diện cho quyền lực con rồng, quyền lực này đánh bại quyền lực ủy nhiệm của La Mã, nhưng rồi lại thua trước quyền lực ủy nhiệm vốn đã đánh bại Ptolemy ở câu mười và vào năm 1989. Những phân biệt lịch sử ấy là có chủ đích và quan trọng.

Uzziah nhận dấu của con thú khi ông tìm cách kết hợp giáo hội và nhà nước; Uzziah là đất vinh hiển, và đất vinh hiển là một luận điểm trọng yếu ngay từ lúc khởi đầu của sứ điệp vào năm 1989. Đất vinh hiển là Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, hay là Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm An Thất Nhật? Những người khi ấy chủ trương quan niệm sai lạc rằng đất vinh hiển là Giáo Hội Phục Lâm, cũng như bất cứ ai đến nay vẫn còn giữ quan niệm ấy, sẽ lập luận rằng núi thánh vinh hiển trong câu bốn mươi lăm rõ ràng là Hội Thánh của Đức Chúa Trời; như vậy, theo họ, một ngọn núi và một miền đất là cùng một biểu tượng. Tôi cho rằng đó là lối lý luận thông thường của con người.

Uzziah là đất vinh hiển, còn Ptolemy là Ai Cập. Uzziah, với tư cách là đất vinh hiển, có hai sừng của Tin Lành và chủ nghĩa cộng hòa. Biểu hiện chính trị của Ptolemy là chủ nghĩa cộng sản và các dạng thức khác nhau của nó, và biểu hiện tôn giáo của Ptolemy là thuyết thông linh và các dạng thức khác nhau của nó. Một đặc trưng của thế lực Con Rồng là nó là một liên minh, nhưng tiên tri giả, tức là đất vinh hiển, là một quốc gia duy nhất với hai sừng.

Đa-ni-ên đoạn mười một, câu bốn mươi khẳng định rằng Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là cường quốc ủy nhiệm của giáo hoàng chế khi Liên Xô bị quét đi vào năm 1989. Chân lý này tương hợp với vai trò của con thú từ đất có hai sừng trong Khải Huyền đoạn mười ba, vì hai sách là một.

> Và tôi thấy một con thú khác từ đất trồi lên; nó có hai sừng như chiên con, và nói như rồng. Nó thi hành mọi quyền lực của con thú thứ nhất trước mặt con thú ấy, và khiến địa cầu cùng những kẻ cư trú trên đó thờ lạy con thú thứ nhất, là con thú có vết thương chí tử đã được chữa lành. Khải Huyền 13:11, 12.

Khải Huyền đoạn mười ba xác định Hoa Kỳ là quyền lực ủy nhiệm của chế độ Giáo hoàng, vì con thú từ đất "thực thi tất cả quyền của" con thú từ biển đã đến "trước mặt nó." Trong câu hai, con rồng của La Mã ngoại giáo đã ban cho chế độ Giáo hoàng quyền lực, ngai và uy quyền lớn. Từ được dịch là "quyền" có nghĩa là quyền lực, nhưng ở câu mười hai đó là một từ khác cũng được dịch là "quyền," nghĩa là "thẩm quyền được ủy nhiệm."

Hoa Kỳ là quyền lực ủy nhiệm của giáo quyền La Mã, giáo quyền này đã được La Mã ngoại giáo tiền trưng, là bên đã trao sự hậu thuẫn quân sự và kinh tế cho giáo quyền ấy, như được trình bày ở câu hai. Qua đó, La Mã ngoại giáo đã tiền trưng cho Hoa Kỳ, kẻ cũng sẽ dâng "chiến xa, tàu thuyền và kỵ binh" của mình để làm những công việc nhơ bẩn cho giáo quyền.

Khi ba trận chiến của các câu 10, 11 và 15 đã được ứng nghiệm trong lịch sử, Antiochus Magnus đều hiện diện trong từng trận. Thực tế này xác định rằng quyền lực được biểu trưng trong ba trận chiến ấy là một quyền lực ủy nhiệm của con thú, vì đó vẫn luôn là Antiochus, và Antiochus vào năm 1989 là quyền lực ủy nhiệm của Hoa Kỳ.

Ba trận chiến dẫn đến luật ngày Chủ nhật trong câu mười sáu mang dấu ấn của Anpha và Ômêga, và đồng thời mang cả cấu trúc của chân lý. Chính là Hoa Kỳ trong trận chiến thứ nhất và trận chiến thứ ba, qua đó xác định một Anpha và một Ômêga trong trận đầu và trận cuối. Ba trận chiến dẫn đến luật ngày Chủ nhật trong câu mười sáu cũng mang dấu ấn của chân lý. Thế lực ủy nhiệm của Ukraine Quốc xã là trận chiến ở giữa, đại diện cho sự phản nghịch của mốc ở giữa trong khuôn khổ của từ Hê-bơ-rơ chỉ chân lý. Ba trận chiến ấy đại diện cho giai đoạn từ năm 1989 cho đến luật ngày

Chủ nhật, nghĩa là chúng đại diện cho "lịch sử ẩn giấu" của câu bốn mươi.

Câu mười một của Sách Khải Huyền chương mười một xác định năm 2023 là thời điểm cả hai chiếc sừng được phục sinh. Sách Đa-ni-ên chương mười một, câu mười một xác định chính cùng một giai đoạn lịch sử ấy. Mạch tiên tri nội tại và mạch tiên tri ngoại tại trùng khớp vào năm 2023. Mạch nội tại là "điều" Đa-ni-ên đã hiểu, còn mạch ngoại tại là "khải tượng" ông đã hiểu.

Bài khảo nghiệm đền thờ mà Đa-ni-ên minh họa bắt đầu vào ngày thứ hai mươi hai; và hai mươi hai năm sau 11/9—là thời điểm Ê-sai vào đền thờ—dẫn đến năm 2023. Ê-sai xác định cái chết của U-xi-a, sau khi ông sống với bệnh phong hủi mười một năm, tại 11/9. Công tác dựng đền gồm trước hết đặt nền móng, rồi sau đó dựng đền và đặt viên đá chóp; điều này rồi dẫn đến phép thử thứ ba, được biểu thị bởi Lễ Kèn trong dòng của Lê-vi Ký hai mươi ba. Công tác nội tại của Tin Lành đời đời được hoàn tất trong lịch sử của dòng ngoại tại. Trong câu mười một, Putin được tiêu biểu bởi Ptolemy; và vua U-xi-a cung cấp một chứng nhân thứ hai cho minh họa về vua phương Nam, là kẻ được tôn cao nhờ thành công quân sự, rồi sau đó tìm cách đưa mình vào phạm vi tôn giáo.

> Vua phương nam sẽ nổi giận, sẽ xuất trận giao chiến với hắn, tức là với vua phương bắc; và hắn sẽ dấy lên một đoàn quân rất đông, nhưng đoàn quân ấy sẽ bị phó vào tay vua phương nam. Khi ông đã quét sạch đoàn quân ấy, lòng ông sẽ kiêu căng; ông sẽ hạ sát hàng chục nghìn người, nhưng cũng không vì thế mà được mạnh thêm. Đa-ni-ên 11:11-12.

Uriah Smith đề cập đến lịch sử của Ptolemy Philopator và nỗ lực của ông nhằm dâng của lễ tại Đền Thờ ở Giê-ru-sa-lem.

> Ptôlêmê thiếu sự khôn ngoan thận trọng để sử dụng thắng lợi của mình cách thích đáng. Nếu ông theo đuổi đà thắng thế ấy, có lẽ ông đã trở nên chủ tể của toàn vương quốc của Antiôkhô; nhưng, chỉ thỏa lòng với vài lời hăm dọa, đe nẹt, ông lập hòa ước, hầu có thể phó mặc mình cho việc thỏa mãn các dục vọng thú tính một cách liên miên, vô kiềm chế. Vậy nên, sau khi đã chinh phục kẻ thù, ông lại bị chính các tật xấu khuất phục; và, quên đi đại danh mà lẽ ra ông có thể lập nên, ông tiêu phí thời giờ trong yến tiệc và trụy lạc.
>
> Lòng ông trở nên kiêu ngạo vì những thành công của mình, nhưng nhờ đó ông lại tuyệt nhiên không được củng cố; vì việc ông sử dụng thành công ấy một cách bất vinh đã khiến chính thần dân của ông nổi loạn chống lại ông. Nhưng sự kiêu ngạo trong lòng ông lại bộc lộ rõ rệt hơn cả trong những đối đãi của ông với người Do Thái. Khi đến Giê-ru-sa-lem, ông đã dâng tế lễ tại đó, và rất mong muốn bước vào nơi chí thánh của đền thờ, điều trái với luật pháp và tôn giáo của nơi ấy; nhưng, tuy với rất nhiều khó khăn, ông đã bị ngăn cản, ông rời nơi đó với cơn thịnh nộ bừng bừng chống lại toàn thể dân tộc Do Thái, và lập tức khởi xướng một cuộc bách hại khủng khiếp và không khoan nhượng chống lại họ. Tại Alexandria, nơi người Do Thái đã cư trú từ thời Alexander và được hưởng các đặc quyền của những công dân được ưu đãi nhất, bốn mươi nghìn, theo Eusebius; sáu mươi nghìn, theo Jerome, đã bị sát hại trong cuộc bách hại này. Cuộc phản loạn của người Ai Cập, và cuộc tàn sát người Do Thái, hẳn nhiên không phải là những điều có thể củng cố ông trong vương quốc của mình, mà trái lại đủ để gần như hoàn toàn hủy hoại nó. Uriah Smith, Đa-ni-ên và Khải Huyền, 254.

Chiến thắng quân sự của Ptolemy Philopator tại Raphia vào năm 217 Trước Công nguyên không củng cố thế lực của Ptolemy, nhưng đã khiến 'lòng ông tự cao lên'. Chiến thắng trong Chiến tranh Ukraina sẽ không củng cố thế lực của Putin, nhưng sẽ 'khiến lòng ông tự cao lên', như sự thành công quân sự đã khiến lòng vua Uzziah tự cao lên.

> U-xia sắm sửa cho toàn thể đạo quân những khiên, giáo, mũ trụ, áo giáp, cung, và ná để phóng đá. Người cũng chế tạo tại Giê-ru-sa-lem những máy móc, do các thợ khéo phát minh, để đặt trên các tháp canh và trên các lũy thành, hầu bắn tên và ném những tảng đá lớn. Danh tiếng người đồn ra xa, vì người được phù trợ cách lạ lùng cho đến khi trở nên mạnh mẽ. Nhưng khi đã mạnh mẽ, lòng người tự cao đưa người đến sự bại vong; vì người đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của mình, và vào đền của Đức Giê-hô-va để xông hương trên bàn thờ dâng hương. 2 Sử ký 26:14-16.

Hai vua phương Nam, lòng kiêu ngạo trỗi dậy vì những chiến thắng quân sự, đã toan bước vào cùng một đền thờ và dâng của lễ, việc vốn chỉ tư tế mới được phép làm. Trong cả hai trường hợp, các tư tế đã ngăn cản những toan tính của các vua kiêu ngạo ấy. Rồi một vị đã khởi xướng cuộc trả đũa nhằm vào người Do Thái, còn vị kia thì bị phát bệnh phong hủi trên trán.

> Bấy giờ thầy tế lễ Azariah đi vào theo sau ông, cùng với ông có tám mươi thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va, là những người can đảm; họ chống lại vua Uzziah và nói với ông: Uzziah, việc xông hương lên Đức Giê-hô-va không thuộc về ngươi, nhưng thuộc về các thầy tế lễ, con cháu của Aaron, là những người đã được thánh hiến để xông hương; hãy ra khỏi đền thánh, vì ngươi đã phạm sự trái phép; và điều ấy sẽ chẳng mang lại cho ngươi vinh hiển từ nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Bấy giờ Uzziah nổi giận, tay cầm lò hương để xông hương; và trong khi ông còn nổi giận cùng các thầy tế lễ, bệnh phong hủi liền nổi lên trên trán ông trước mặt các thầy tế lễ tại nhà Đức Giê-hô-va, gần bên bàn thờ xông hương. Và Azariah, thầy tế lễ cả, cùng hết thảy các thầy tế lễ, nhìn ông, kìa, ông đã bị phong hủi nơi trán; họ lập tức đẩy ông ra khỏi đó; thật vậy, chính ông cũng vội vã đi ra, vì Đức Giê-hô-va đã đánh phạt ông. Vua Uzziah bị phong hủi cho đến ngày ông qua đời, và ở trong một nhà biệt cư, vì là người phong hủi; bởi ông đã bị cách ly khỏi nhà Đức Giê-hô-va. Còn Jotham, con trai ông, trông coi nhà vua và xét xử dân trong xứ. Còn các việc khác của Uzziah, từ đầu đến cuối, tiên tri Isaiah, con trai Amoz, đã ghi chép. 2 Sử ký 26:17-22.

Năm 2014, các nhà toàn cầu chủ nghĩa ở châu Âu cùng chế độ Obama phát động một cuộc cách mạng màu tại nước Ukraine. Năm 2022, Nga khởi sự một cuộc xâm lược sẽ rốt cuộc đưa đến chiến thắng cho Putin và nước Nga; được biểu trưng bởi Ptolêmê và Ô-xia, các vua phương nam. Câu mười hai chép rằng sau chiến thắng của Putin, "lòng người sẽ tự cao; và người sẽ đánh đổ nhiều vạn người; nhưng người sẽ không bởi đó mà được vững mạnh." Sau đó, lịch sử ghi chép sự suy vong tiệm tiến của vương quốc của ông.

Sự suy vong dần dần đã dẫn đến cái chết của ông; và đến khi Antiochus Đại đế trả đũa cho thất bại của mình tại Raphia, Antiochus không còn giao chiến với Ptolemy Philopator nữa, mà khi ấy đang phải đối đầu với một nhi đồng, người lúc bấy giờ trị vì Ai Cập. Một đứa trẻ là biểu tượng của thế hệ cuối cùng, vì vậy, trên một bình diện, vị vua-nhi đồng mà Antiochus đánh bại tại Panium là thế hệ cuối cùng của vương quốc phương Nam. Ở bình diện thực tiễn, vị vua-nhi đồng biểu trưng cho

sự yếu kém trong tương quan với sức mạnh của Antiochus.

> Hiệp ước hòa bình được ký kết giữa Ptolemy Philopater và Antiochus kéo dài mười bốn năm. Trong khi đó, Ptolemy chết vì lối sống vô độ và truỵ lạc, và được con trai ông, Ptolemy Epiphanes, kế vị, khi ấy chỉ là một đứa trẻ bốn hay năm tuổi. Antiochus, cùng thời gian ấy, sau khi đã dẹp yên cuộc nổi loạn trong vương quốc mình, và khiến các miền phía đông quy phục và được ổn định, thì rảnh tay cho bất kỳ công cuộc nào khi Epiphanes còn non trẻ lên ngôi Ai Cập; và cho rằng đây là một cơ hội quá tốt để mở rộng lãnh thổ mà không thể bỏ lỡ, ông đã huy động một đạo quân hùng hậu "lớn hơn trước" (vì trong cuộc viễn chinh phương Đông ông đã tập hợp được nhiều lực lượng và thu được của cải lớn), rồi kéo quân đánh Ai Cập, mong sẽ dễ dàng chiến thắng vị ấu vương. Ông ta đã thành công đến mức nào, chúng ta sẽ thấy ngay; vì ở đây những phức tạp mới chen vào cục diện của các vương quốc này, và những nhân vật mới được đưa lên sân khấu lịch sử. Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 255.

Vua phương nam

Phác thảo những bước cuối cùng của nước Nga chính là phác thảo những bước cuối cùng của vua phương nam theo lời tiên tri. Một đặc điểm tiên tri của vua phương nam thuộc linh—vị đã xuất hiện trong lịch sử tiên tri vào thời kỳ cuối cùng, năm 1798—là cách thức quyền lực ấy đi đến sự kết thúc. Đó cũng là một đặc điểm tiên tri của vua phương bắc và của tiên tri giả. Mỗi một trong ba quyền lực đưa thế giới đến Ha-ma-ghê-đôn đều có kết cục được nêu rõ một cách cụ thể trong Lời Đức Chúa Trời. Điều gì rồi sẽ xảy ra với Putin và nước Nga đều đã được điển hình hóa qua những dòng lịch sử trước kia của vua phương nam.

Những ví dụ về sự bại vong của vua phương nam thuộc linh được tiêu biểu bởi sự bại vong của vị vua phương nam thuộc linh thứ nhất, tức nước Pháp vô thần trong thời kỳ Cách mạng. Sự bại vong của vương quốc phương nam bao gồm sự bại vong của vua phương nam. Sự bại vong của Napoleon tương ứng với sự bại vong của nước Pháp, và tương hợp với sự bại vong của vương quốc phương nam kế tiếp, tức là nước Nga. Nước Nga, với tư cách là vua phương nam thời hiện đại, đã khởi đầu trong cách mạng, cũng như nước Pháp, với tư cách là vua phương nam, đã khởi đầu bằng cách mạng.

Cách mạng là một đặc trưng của con rồng, vốn là biểu tượng của các vua phương nam. Con rồng — biểu tượng chủ đạo của vua phương nam — chính là Sa-tan, và khi y toan tiến hành một cuộc cách mạng vào cuối thiên niên kỷ, lửa từ trời giáng xuống và nuốt chửng y. Cuộc phản loạn của y trên trời thuở ban đầu là Anpha của cuộc phản loạn của y vào lúc kết thúc thiên niên kỷ.

Năm 1798, nước Pháp, về phương diện tiên tri, đã lên ngôi như vị vua thuộc linh của phương Nam trong thời kỳ Cách mạng Pháp. Cuộc cách mạng ấy đã quét qua các quốc gia châu Âu và rốt cuộc dẫn đến Cách mạng Nga, nhanh chóng được tiếp nối bởi Cách mạng Bolshevik trong cùng năm.

Cách mạng Nga năm 1917 gồm hai bước chính: Cách mạng Tháng Hai (lật đổ chế độ quân chủ Sa hoàng, chấm dứt nền chuyên chế và thiết lập một chính phủ lâm thời trong bối cảnh thời kỳ song trùng quyền lực với các Xô viết) và Cách mạng Tháng Mười (còn gọi là Cách mạng Bolshevik, trong đó những người Bolshevik dưới sự lãnh đạo của Lênin đã giành chính quyền bằng một cuộc

đảo chính, dẫn tới việc thiết lập chính quyền Xô viết và tiến trình hướng tới chủ nghĩa xã hội/chủ nghĩa cộng sản).

Trong các phân tích lịch sử và lý thuyết cách mạng (đặc biệt là từ những quan điểm Mác-xít như của Trotsky, Luxemburg và những người khác nêu ra các đối chiếu), Cách mạng Pháp (1789–1799) thường được coi là mang tính điển hình, hoặc cung cấp một mô thức, cho diễn trình các biến cố ở Nga. Hai bước của Cách mạng Pháp tiêu biểu cho những giai đoạn ấy ở Nga là:

- Giai đoạn ôn hòa/hiến định ban đầu (khoảng 1789–1792), tương ứng với Cách mạng Tháng Hai. Giai đoạn Pháp này bắt đầu bằng cuộc công phá ngục Bastille, việc triệu tập Đại hội các Đẳng cấp/Quốc hội, việc bãi bỏ các đặc quyền phong kiến, việc công bố Tuyên ngôn về Quyền của Con người, và việc thiết lập một nền quân chủ lập hiến dưới ảnh hưởng của phái Girondin và các nhà cải cách ôn hòa. Giai đoạn này đã lật đổ nền quân chủ chuyên chế nhưng vẫn duy trì các yếu tố của mô thức cai trị mang tính tư sản/tự do chủ nghĩa và các cấu trúc quyền lực kép/đang bị tranh chấp (ví dụ giữa Quốc hội và nền quân chủ còn tồn lưu). Tương tự, Tháng Hai năm 1917 đã chấm dứt chế độ Sa hoàng, nhưng dẫn tới một chính phủ lâm thời tư sản và cục diện lưỡng quyền với các Xô viết.
- Giai đoạn triệt để/Jacobin (khoảng 1792–1794, bao gồm việc thiết lập Đệ nhất Cộng hòa, xử tử Louis XVI, và Thời kỳ Khủng bố dưới thời Robespierre và phái Jacobin/Ủy ban An ninh Công cộng) tương ứng với Cách mạng Tháng Mười (Bôn-sê-vích). Phái Jacobin đã giành quyền lực từ phái Girondin ôn hòa hơn bằng những hành động triệt để, tuyên bố nền cộng hòa, trấn áp phản cách mạng, và thúc đẩy cuộc cách mạng hướng tới sự biến đổi xã hội sâu sắc hơn cùng việc phòng vệ trước các mối đe dọa nội bộ và bên ngoài. Điều này phản chiếu cách thức những người Bolshevik lật đổ chính phủ lâm thời, củng cố quyền lực của giai cấp vô sản/chuyên chính vô sản, và thúc đẩy chủ nghĩa xã hội cách mạng.

Những điểm tương đồng này nhấn mạnh rằng các cuộc cách mạng thường theo một mẫu hình: khởi đầu là một cuộc nổi dậy rộng khắp chống lại chế độ cũ (do các lực lượng ôn hòa hoặc tư sản lãnh đạo), tiếp đó là một cuộc chiếm quyền quyết liệt hơn của phe cấp tiến nhằm "cứu vãn" và làm sâu sắc thêm cuộc cách mạng trong bối cảnh khủng hoảng. Bản thân những người Bolshevik đã chủ ý dựa vào tiền lệ của Cách mạng Pháp, coi cuộc khởi nghĩa Tháng Mười của họ như tương tự cuộc chính biến của phái Jacobin—điều cần thiết để ngăn chặn phản cách mạng và thực hiện trọn vẹn tiềm năng của cuộc cách mạng.

Kiểu loại này xuất hiện trong các công trình như Lịch sử Cách mạng Nga của Trotsky (trong đó so sánh một cách minh thị giai đoạn hai chính quyền ở Nga với những động thái tương tự tại Pháp) và trong các trước tác của Rosa Luxemburg về các biến cố ở Nga, trong đó bà ghi nhận rằng thời kỳ thứ nhất của Cách mạng Nga (tháng Ba–tháng Mười) tuân theo mô thức của các cuộc cách mạng Pháp (và Anh), với việc những người Bolshevik giành chính quyền song song với sự trỗi dậy của phái Jacobin.

Chúa Giê-su luôn minh họa sự kết thúc qua sự khởi đầu, và sự suy vong của Napoléon, với tư cách là vị vua phương Nam thuộc linh đầu tiên, đã diễn ra theo các mốc dấu ngay từ buổi đầu của cuộc cách mạng, và qua đó tượng trưng cho sự sụp đổ của Liên Xô.

Sự suy vong tiệm tiến (từng bước) của Napoleon tương ứng chặt chẽ với quá trình suy thoái dần dần và cú sụp đổ năm 1991 của Liên Xô, trong cùng một khung kiểu loại mà hai giai đoạn của Cách mạng Pháp đã tiên trưng cho các chặng Tháng Hai và Tháng Mười năm 1917 của Cách mạng Nga. Sự song hành ấy còn kéo dài sang giai đoạn củng cố sau cao trào cấp tiến (Bonapartism) và sự tan rã tất yếu của nó. Điều này rút ra từ cả các mẫu hình lịch sử tổng quát lẫn các phân tích Mác-xít (đặc biệt là của Trotsky trong The Revolution Betrayed và các trước tác liên quan), vốn coi Napoleon là nguyên mẫu của chủ nghĩa Bonapart: một chế độ độc tài cá nhân xuất hiện sau đỉnh cao cấp tiến của một cuộc cách mạng, cân bằng giữa các giai cấp, bảo lưu những thành quả cấu trúc then chốt của cuộc cách mạng (đồng thời đàn áp xung lực dân chủ của nó), thiết lập một đế chế mang tính cá nhân, quân sự-quan liêu, bành trướng quá mức, rồi trải qua sự sụp đổ theo từng giai đoạn dẫn tới sự phục hồi bộ phận của trật tự cũ.

Sự lên nắm quyền mang tính Bônapác của Napoléon tương đồng với sự củng cố quyền lực theo chủ nghĩa Stalin

Sau giai đoạn cực đoan của phái Jacobin và Phản ứng Thermidor (1794), đến Chế độ Đốc chính bất ổn (1795–1799); cuộc đảo chính 18 Brumaire của Napoléon (1799) thiết lập Chính thể Tổng tài, rồi Đế chế (1804). Ông pháp điển hóa và truyền bá các thành quả của cách mạng tư sản (Bộ luật Napoléon, chấm dứt các đặc quyền phong kiến, nhà nước trung ương tập quyền mạnh), nhưng đặt chúng lệ thuộc vào nền thống trị độc đoán, vinh quang quân sự và một tầng lớp tinh hoa mới.

Sau giai đoạn cấp tiến của Cách mạng Tháng Mười do những người Bolshevik lãnh đạo và các thử nghiệm Xô-viết buổi đầu, sự thoái hóa quan liêu bắt đầu diễn ra (đặc biệt từ giữa thập niên 1920). Sự củng cố quyền lực của Stalin đánh bại Phe Tả Đối lập, áp đặt "chủ nghĩa xã hội trong một nước" và thiết lập một chế độ độc tài công an–quân sự–quan liêu. Nền kinh tế kế hoạch và tài sản quốc hữu hóa (những thành quả cốt lõi của Tháng Mười) được bảo tồn nhưng bị biến thành công cụ của một đẳng cấp đặc quyền, trong khi chủ nghĩa quốc tế bị từ bỏ.

Trong cả hai trường hợp, năng lượng cách mạng bị "đóng băng" và được chuyển hướng vào quyền lực nhà nước cùng sự bành trướng dưới một nhân vật hoặc một bộ máy duy nhất (Trotsky đã minh nhiên gọi chế độ Stalin là một hình thức "Chủ nghĩa Bonapart Xô-viết," gần với Đế chế của Napoléon hơn là Chế độ Tổng tài).

Sự sụp đổ từng bước

Đây là trục cốt lõi—sự suy tàn không phải là một biến cố đột ngột duy nhất mà là một chuỗi xói mòn liên tiếp, được thúc đẩy bởi sự mở rộng quá mức, những mâu thuẫn nội tại, các sa lầy quân sự, sự mất kiểm soát đối với vùng ngoại biên, các cải cách thất bại, và sự tan rã hay trùng hưng sau rốt.

Phe Napoléon (1812–1815)

- 1812: Cuộc xâm lược nước Nga thảm họa—Grande Armée (600.000 quân) bị tiêu hao nặng nề bởi các vấn đề hậu cần, mùa đông và sự kháng cự. Một bước ngoặt thảm khốc; tổn thất nghiêm trọng về uy tín và quân số.

- 1813: Một liên minh được hình thành chống lại ông; thất bại tại Leipzig (“Trận Các Dân Tộc”) - mất các đồng minh Đức và các lãnh thổ Đức; đế quốc bắt đầu thu hẹp.
- 1814: Các đồng minh xâm lược Pháp chính quốc; Paris thất thủ; Napoléon thoái vị và bị lưu đày đến Elba.
- 1815: Trở lại ngắn ngủi (Trăm Ngày), thất bại cuối cùng tại Waterloo; bị lưu đày vĩnh viễn đến St. Helena; nền quân chủ Bourbon được khôi phục (sự đảo ngược mang tính phản động đối với các thành quả của cách mạng, tuy không triệt để—một số thay đổi pháp lý/hành chính vẫn được duy trì).

Phía Liên Xô (từ thập niên 1970 đến năm 1991)

- Giai đoạn cuối thập niên 1970–những năm 1980: Tình trạng trì trệ kinh tế (“zastoi” dưới thời Brezhnev), thiếu hụt triền miên, tụt hậu về công nghệ, và cuộc chạy đua vũ trang kiệt quệ với Hoa Kỳ/NATO—sự dàn trải quá mức mang tính hệ thống bắt đầu bào mòn nền kinh tế từ bên trong.
- 1979-1989: Chiến tranh Afghanistan — "Việt Nam" của Liên Xô; vũng lầy làm kiệt quệ nguồn lực, nhuệ khí và vị thế quốc tế (lưu ý điểm tương đồng trớ trêu: Napoleon bị tiêu diệt ở Nga; Liên Xô bị chảy máu trong một chiến trường hiểm trở, kiên cường kháng cự).
- 1985-1989: các cải cách perestroika/glasnost của Gorbachev (một nỗ lực "cứu vãn" hệ thống, tựa như một số điều chỉnh muộn thời Napoleon) trái lại phơi bày và làm tăng tốc các mâu thuẫn; các quốc gia vệ tinh thuộc Khối Đông Âu nổi dậy và thoát khỏi (Bức tường Berlin sụp đổ ngày 9 tháng 11 năm 1989, các chế độ sụp đổ trong giai đoạn 1989-1990)-sự mất mát của "đế quốc ngoại vi," giống hệt như việc Napoleon mất các quốc gia đồng minh.
- 1990–1991: Khủng hoảng dân tộc chủ nghĩa nội bộ, các nước cộng hòa tuyên bố chủ quyền; cuộc đảo chính của phe cứng rắn tháng 8 năm 1991 thất bại thảm hại; Gorbachev từ chức ngày 25 tháng 12 năm 1991; Liên Xô giải thể thành 15 quốc gia. Tiếp theo là sự phục hồi chủ nghĩa tư bản (liệu pháp sốc thời Yeltsin, tài phiệt, tư nhân hóa)—tương tự như thời kỳ Phục hồi Bourbon: các thành phần giai cấp tiền cách mạng (hoặc các tương đương của chúng) quay trở lại, đảo ngược toàn bộ các quan hệ sở hữu mang tính cách mạng trong khi vẫn giữ lại một số hình thức hành chính.

Trong cả hai trường hợp, “đế chế” (Hệ thống Lục địa của Pháp so với ảnh hưởng của Khối Đông Âu/COMECON của Liên Xô) phân rã từ ngoại vi vào trong, sự mục ruỗng nội tại tăng tốc, một khủng hoảng cuối cùng phơi bày tính rỗng không, và các lực lượng xã hội cũ tự tái khẳng định (quân chủ/chủ nghĩa tư bản). Chủ nghĩa Bonaparte tỏ ra không thể duy trì—một “kim tự tháp cân bằng trên chóp nhọn,” như Trotsky nói—bởi nó đặt nền trên việc đàn áp nền tảng dân chủ của cách mạng, đồng thời bảo vệ (nhưng làm sai lệch) nền tảng kinh tế của nó giữa các áp lực đối ngoại thù địch. Sự sụp đổ của Liên Xô không “đột ngột” nếu nhìn trong dài hạn mà là đỉnh điểm của quá trình mục ruỗng nội bộ tiệm tiến, cũng như đế chế của Napoléon không biến mất chỉ sau một đêm mà bị bào mòn qua những thất bại liên tiếp cho đến lúc phục hồi.

Khởi đầu và kết cuộc của nước Pháp và Liên Xô tương ứng với lời chứng của vua U-xia và Ptolêmê. Ptolêmê IV Philopator giành một chiến thắng quyết định tại trận Ra-phia (217 TCN)

trước vua phương bắc (An-ti-ô-khô III), nhưng "ông sẽ chẳng bởi đó mà được thêm vững mạnh"—ông chọn hòa bình thay vì tận dụng ưu thế, trở lại với xa hoa và tự tôn vinh mình; rồi (theo ghi chép được lưu giữ trong 3 Macabê 1–2) Ptolêmê viếng thăm Giê-ru-sa-lem sau khải hoàn. Lòng ông tự cao, ông tìm cách vào Nơi Chí Thánh và tự mình dâng tế lễ—một hành vi soán quyền và thách thức nghịch cùng Đức Chúa Trời chân thật. Ông bị Đức Chúa Trời giáng phạt (tê liệt), bị hạ nhục, và quay sang bách hại dân của Đức Chúa Trời. Từ đó, triều đại của ông đi vào suy thoái dần dần: bại hoại đạo đức, nội loạn, và hao mòn sức mạnh cho đến khi ông chết. Đây là bức phản chiếu chính xác về vua U-xia (2 Sử ký 26:16–21), người mà sau các thành công quân sự thì lòng trở nên kiêu ngạo; rồi ông vào đền thờ để đốt hương (soán đoạt chức phận của các thầy tế lễ) và bị bệnh phung nơi trán—một án phạt công khai, hiển hiện. Từ đó U-xia sống cách ly, bị tách khỏi nhà của Đức Giê-hô-va, cho đến chết—một sự tàn lụi chậm rãi, dai dẳng, thay vì bị hủy diệt tức thì.

Cả hai đều là những vua phương nam, lòng kiêu ngạo của họ bộc lộ qua việc xâm phạm Đền Thờ tại Giê-ru-sa-lem, rồi dẫn đến một kết cục diễn tiến dần dần, mang tính bào mòn, thay vì sụp đổ tức thì. Đây là khuôn mẫu loại hình cho mọi "vua phương nam" về sau.

1798: Pháp trở thành Vua thuộc linh của Phương Nam

Vào "thời kỳ cuối cùng" (1798), nước Pháp vô thần (một quyền lực vừa bày tỏ những đặc trưng thuộc linh của Ai Cập—sự chối bỏ Đức Chúa Trời cách công khai, như trong Khải Huyền 11:8) công kích vua phương bắc (Giáo hoàng quyền) bằng cách bắt Giáo hoàng làm tù binh. Napoléon là hiện thân quân sự của cuộc công kích ấy. Nước Pháp đội vương miện phương nam vào năm 1798, vì nó tôn cao cùng một tinh thần vô thần mà Ai Cập cổ đại đã biểu trưng cho.

Nhưng cũng như Ptolemy đã không thể "tận dụng trọn vẹn chiến thắng của mình", giai đoạn cực đoan của Cách mạng Pháp đã không thể duy trì hoặc xuất khẩu trọn vẹn các thành quả của nó. Vương miện của phương Nam tiếp tục được chuyển giao khi triết học vô thần chín muồi và tìm được một tiếng nói mới trong chính quyền.

Biểu tượng lãnh đạo tiệm tiến: từ Napoléon đến Lênin đến Stalin

Ba điều này không phải là ngẫu nhiên; chúng là những kết cục theo tiến trình—mỗi điều đại diện cho một giai đoạn tiếp theo trong quỹ đạo của vua phương nam hướng tới sự tự tan rã chậm rãi của chính mình. Napoléon—biểu tượng lớn đầu tiên sau năm 1798. Chiến thắng tại Ai Cập (phương nam theo nghĩa đen), ông vươn quá tầm—chiến dịch Nga năm 1812 là một thảm họa, mở đầu cho một chuỗi mất mát các vùng ngoại vi của đế chế ông từng bước một (1813–1814)—chịu bại trận chung cuộc (Waterloo, 1815), và bị lưu đày hai lần. Napoléon biểu trưng cho một sự suy vong tiến triển theo từng giai đoạn—chính xác như Ptolemy và Uzziah.

Lenin đoạt lấy vương miện trong Cách mạng Tháng Mười năm 1917. "Cú hích" của phái Bôn-sê-vích tiếp tục cuộc chiến chống lại trật tự cũ (kể cả quyền lực tôn giáo). Nhưng giai đoạn triệt để không thể ổn định; sức khỏe của chính Lenin sớm suy sụp, và hệ thống bắt đầu quan liêu hóa.

Stalin, người củng cố (chủ nghĩa Bonapart kiểu Liên Xô) "đóng băng" cuộc cách mạng thành một đế chế quân sự–quan liêu, bảo tồn các thành quả cốt lõi (nền kinh tế quốc hữu hóa — tương ứng, về phương diện chống phong kiến, với Bộ luật của Napoléon), nhưng quay quyền lực vào trong (thanh trừng) và ra ngoài (bành trướng). Tuy nhiên, lòng kiêu ngạo được nâng lên trong vô thần; hệ thống không thể thực sự "tận dụng trọn vẹn thắng lợi của mình." Sự quá mức mở rộng (Afghanistan — tương ứng với nước Nga của Napoléon), đình trệ, cải cách thất bại (perestroika là nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng), mất các nước vệ tinh (1989–90 = mất các "đồng minh"), và tan rã sau cùng (1991).

Sự sụp đổ của Liên Xô không phải là đột ngột—mà là tiệm tiến, chính xác như đế quốc của Napoleon bị bào mòn từng bước, và như các triều đại của Ptolemy và Uzziah tàn lụi sau thời khắc kiêu ngạo về đền thờ của họ. Vị vua "thuộc linh" của phương nam (chủ nghĩa vô thần dưới hình thái nhà nước) đã phải chịu sự phán xét dai dẳng của chính mình: bị xói mòn từ bên trong, không thể duy trì sự dối trá, bị cuốn trôi trong sự chuyển động đối nghịch của vua phương bắc (sự trỗi dậy của chế độ Giáo hoàng trong khoảng trống).

Cách mạng Pháp (hai bước) làm tiền ảnh cho Cách mạng Nga (Tháng Hai và Tháng Mười/Bôn-sê-vích). Chủ nghĩa Bonapart kiểu Napoléon và sự suy tàn tiệm tiến làm tiền ảnh cho sự củng cố kiểu Xtalin và sự suy tàn tiệm tiến của Liên Xô. Tất cả những điều ấy là sự triển diễn hiện đại của dòng vua phương Nam trong Đa-ni-ên 11, khởi đi từ thất bại ở Raphia của Ptolemy và sự kiêu ngạo đối với đền thờ, qua tội lỗi đồng dạng và sự kết thúc từ từ của U-xia, cho đến nước Pháp năm 1798 và kẻ thừa kế vô thần của nó (thời Lênin–Xtalin), vốn không thể nhờ các chiến thắng của mình mà tự củng cố.

Lenin, nhà sáng lập cấp tiến hoặc kẻ đoạt lấy quyền lực (song song với sự trỗi dậy của phe Jacobin/Bôn-sê-vích; giai đoạn "đẩy" sau 1917, tương tự như Chế độ Tổng tài buổi đầu của Napoléon sau Brumaire). Stalin là nhà củng cố theo kiểu Bonaparte (nhà kiến tạo đế chế Xô-viết, các cuộc thanh trừng, chiến thắng Thế chiến II, đỉnh điểm Chiến tranh Lạnh; lòng được cất cao trong vô thần, nhưng không thể hoàn toàn "làm vững" chiến thắng về lâu dài—sự bành trướng quá mức bắt đầu).

Khrushchev là lãnh đạo của giai đoạn "tan băng" sau đỉnh điểm (1953–1964): lên án Stalin (Bài Diễn văn Mật năm 1956), vạch trần một số biểu hiện tham nhũng, nỗ lực thực hiện các cải cách hạn chế, nhưng không giải quyết được các mâu thuẫn mang tính hệ thống. Điều này song song với một giai đoạn "Thermidor" hoặc suy thoái sớm—nới lỏng khủng bố trong khi cấu trúc vô thần cốt lõi vẫn được duy trì, song uy tín bị xói mòn (ví dụ, sự nhục nhã trong Khủng hoảng Tên lửa Cuba năm 1962 phản chiếu những bước lùi nhỏ của Napoléon trước các thất bại lớn).

Gorbachev là nhà cải cách tuyệt vọng (1985–1991) với perestroika (tái cấu trúc) và glasnost (cởi mở) như những nỗ lực cuối cùng nhằm "cứu vãn" hệ thống, nhưng chúng lại đẩy nhanh sự sụp đổ—mất Khối Đông Âu (Bức tường Berlin, 1989) và bùng phát các cuộc nổi dậy nội bộ. Đây là chỉ dấu "kết thúc tiệm tiến" rõ ràng nhất: tựa như những toan tính điều chỉnh muộn màng của Napoleon trước cuộc xâm lược năm 1814, hoặc như sự suy tàn dai dẳng của Ptolemy/Uzziah sau kiêu ngạo nơi đền thờ; concordat/cuộc gặp năm 1989 của Gorbachev với Giáo hoàng Gioan Phaolô

II (vua phương bắc) tượng trưng cho thất bại thiêng liêng—chủ nghĩa vô thần của vua phương nam nhường bước trước sự trỗi dậy của giáo quyền giáo hoàng.

Yeltsin là nhân vật của sự tan rã sau cùng (từ năm 1991 trở đi), người đã lãnh đạo cuộc kháng cự chống lại cuộc đảo chính tháng 8 năm 1991, trở thành Tổng thống Nga, chủ trì việc giải thể Liên Xô (tháng 12 năm 1991), tiến hành tư nhân hóa theo "liệu pháp sốc", và tái lập chủ nghĩa tư bản. Ông là hiện thân của sự kết thúc hỗn loạn và sự "phục hồi" từng phần các yếu tố tiền cách mạng (chủ nghĩa tư bản đầu sỏ, như sự trở lại của nhà Bourbon sau Napoléon). Cung điện của vua phương nam bị quét sạch, ứng nghiệm cuộc chinh phục như bão lốc của phương bắc theo Daniel 11:40 (chế độ giáo hoàng thông qua liên minh với Hoa Kỳ).

Điển hình học nhấn mạnh sự phán xét kéo dài, theo từng bước, hơn là sự sụp đổ tức thì, cũng như chiến thắng tại Raphia của Ptolemaios IV dẫn đến kiêu ngạo, xâm phạm đền thánh, sự giáng phạt của Đức Chúa Trời, và sự suy tàn chậm rãi; sự cô lập vì bệnh phong của Ô-xia (Uzziah) cho đến khi chết; các tổn thất theo từng giai đoạn của Napoléon (Nga, Leipzig, Paris, Elba, Waterloo). Tuyến Liên Xô xác định đỉnh cao sức mạnh dưới thời Stalin, sự rỗng hóa tiến dần trong thời kỳ tan băng của Khrushchev phơi bày các vết nứt của hệ thống. Rồi đến trì trệ thời Brezhnev và tiếp đó các cải cách của Gorbachev trở thành tác nhân gia tốc; thời kỳ Yeltsin hoàn tất cuộc quét sạch (Liên Xô giải thể, hình thức nhà nước của chủ nghĩa vô thần chấm dứt). “Lòng dạ tự cao” biểu hiện trên toàn tuyến (sự ngạo nghễ vô thần), nhưng không ai “tận dụng thắng lợi”.

Sự kết cục của các vua phương Nam mang tính tiệm tiến, sự diệt vong của Sa-tan khởi đầu tại thập tự giá, và sau cùng Sa-tan bị lưu đày trong 1.000 năm, rồi chết.

> Và tôi thấy một thiên sứ từ trời xuống, tay cầm chìa khóa của vực thẳm và một sợi xích lớn. Người bắt lấy con rồng, tức con rắn xưa, là Ma Quỷ, tức Sa-tan, và trói buộc nó một ngàn năm, rồi ném nó vào vực thẳm, đóng kín nó lại và đóng ấn trên nó, để nó không còn lừa dối các dân nữa cho đến khi mãn một ngàn năm; sau đó nó phải được thả ra trong một thời gian ngắn.
>
> Và tôi thấy các ngai, và họ ngồi trên đó, và quyền xét xử đã được ban cho họ; và tôi thấy các linh hồn của những người đã bị chém đầu vì lời chứng của Đức Giê-su và vì lời của Đức Chúa Trời, là những người đã không thờ lạy con thú, cũng không thờ lạy hình tượng của nó, cũng không nhận dấu của nó trên trán họ hoặc trên tay họ; và họ đã sống lại và cùng trị vì với Đấng Christ trong một ngàn năm. Nhưng phần còn lại của những kẻ chết thì không sống lại cho đến khi một ngàn năm đã mãn.
>
> Đây là cuộc phục sinh thứ nhất. Phúc thay và thánh thiện thay kẻ được dự phần trong cuộc phục sinh thứ nhất: trên kẻ ấy, sự chết thứ hai không có quyền lực; nhưng họ sẽ là tư tế của Thiên Chúa và của Đức Kitô, và sẽ cùng Người trị vì một ngàn năm.
>
> Khi mãn một ngàn năm, Sa-tan sẽ được thả khỏi ngục tù mình; nó sẽ đi ra để lừa dối các dân ở bốn góc đất, là Gôg và Ma-gôg, để nhóm họ lại giao chiến; số của họ đông như cát biển. Chúng kéo lên khắp trên mặt đất, vây quanh trại của các thánh đồ và thành yêu dấu; và có lửa từ Đức Chúa Trời ở trên trời xuống thiêu nuốt chúng. Ma quỷ là kẻ đã lừa dối họ bị quăng vào hồ lửa và diêm sinh, là nơi con thú và tiên tri giả đang ở; chúng sẽ bị hành hạ ngày và đêm đời đời vô cùng. Khải Huyền 20:1-10.

Chúng tôi sẽ tiếp tục khảo luận về vua phương nam trong Đa-ni-ên 11:11-15 ở bài viết kế tiếp.

Tạp chí "The Time of the End" được xuất bản năm 1996, trình bày lời tiên tri trong sách Đa-ni-ên đã được mở niêm phong vào năm 1989. Gần đây, ChatGPT đã đọc tạp chí này và được yêu cầu đánh giá vai trò của Ukraina trong lịch sử của câu bốn mươi được trình bày trong tạp chí. Sau đây là bản phân tích của tạp chí, vốn đã có trong hồ sơ công khai suốt ba mươi năm. Đoạn trích đầu tiên từ trước tác của Ellen White trong tạp chí là Testimonies, quyển 9, 11.

Tổng quan: Ukraina trong khuôn khổ tiên tri

Trong dàn ý tiên tri của tạp chí về Đa-ni-ên 11:40–45, Ukraine được đề cập trong mối liên hệ với sự sụp đổ của Liên Xô và cuộc đấu tranh giữa Giáo hoàng quyền (vua phương bắc) và chủ nghĩa cộng sản vô thần (vua phương nam). Ukraine được trình bày như một chiến địa then chốt về tôn giáo và địa chính trị trong những giai đoạn kết thúc của các cuộc chiến tranh ủy nhiệm, đặc biệt liên hệ đến Giáo hội Công giáo Ukraine và việc hợp pháp hóa giáo hội này sau nhiều thập niên bị đàn áp dưới sự cai trị của Liên Xô.

Tạp chí trình bày Ukraina như một phần của sự ứng nghiệm rộng hơn của lời tiên tri trong Đa-ni-ên 11:40, mô tả việc vua phương Nam bị quét sạch thông qua một liên minh giữa Vatican và Hoa Kỳ. Ukraina được trình bày như bằng chứng về sự suy yếu của chủ nghĩa vô thần Xô-viết và sự phục hưng ảnh hưởng của Công giáo tại Đông Âu.

Ukraina trong cuộc chiến giữa Vua phương Bắc và Vua phương Nam

Tạp chí giảng dạy rằng vua phương nam là chủ nghĩa vô thần, được hiện thân trước hết nơi nước Pháp (1798), rồi về sau nơi Nga Xô-viết. Vua phương bắc là giáo hoàng quyền, và Đa-ni-ên 11:40 mô tả một cuộc chiến thuộc linh khởi đầu từ năm 1798 và đạt đỉnh điểm với sự sụp đổ của Liên Xô vào năm 1989. Ukraina xuất hiện trong bối cảnh này như một phần của khối Xô-viết bị cuốn trôi trong sự ứng nghiệm của Đa-ni-ên 11:40. Ấn phẩm trình bày sự sụp đổ của Liên Xô như bước đầu tiên trong sự chữa lành vết thương chí tử của giáo hoàng quyền (Khải Huyền 13).

Sự đàn áp đối với Giáo hội Công giáo Ukraina (Các nguồn tư liệu được trích dẫn)

Tạp chí bao gồm tư liệu thế tục về sự bách hại người Công giáo dưới chế độ Xô-viết.

Từ Tạp chí Time, ngày 4 tháng 12 năm 1989:

> Sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, cuộc bách hại khốc liệt nhưng nói chung ít đổ máu hơn đã lan sang Ukraina và khối Xô viết mới hình thành, ảnh hưởng đến hàng triệu tín hữu Công giáo Rôma, Tin Lành cũng như Chính Thống giáo.

Ukraina được xác định là một khu vực trọng yếu, nơi Công giáo bị đàn áp dưới chế độ cộng sản.

Sự hợp pháp hóa Giáo hội Công giáo Ukraina

Một trọng tâm chính của cuộc thảo luận về Ukraina là việc hợp pháp hóa Giáo hội Công giáo Ukraina vốn đã bị cấm từ lâu.

Từ Tạp chí Life, tháng 12 năm 1989:

> Ba giám mục Công giáo mới đã được bổ nhiệm gần đây tại Tiệp Khắc. Và trong tháng này, Gorbachev gặp Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong chuyến thăm Ý—cuộc gặp trực tiếp đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo của Điện Kremlin và Tòa Thánh. Các cuộc hội đàm có thể dẫn tới việc hợp pháp hóa Giáo hội Công giáo Ukraina vốn đã bị cấm từ lâu tại Liên Xô.

Từ U.S. News & World Report, ngày 11 tháng 12 năm 1989:

> Sự phục hồi tự do tôn giáo được kỳ vọng sẽ bao gồm việc dỡ bỏ lệnh cấm chính thức đối với Giáo hội Công giáo Ukraina có năm triệu tín hữu, vốn đã hoạt động bí mật từ năm 1946, khi Stalin ra lệnh sáp nhập giáo hội này vào Giáo hội Chính thống Nga. Việc giành được sự hợp pháp hóa cho Giáo hội Ukraina đã là một mục tiêu hàng đầu của Đức Giáo hoàng.

Tạp chí trình bày điều này như bằng chứng cho sự suy yếu của quyền kiểm soát của chủ nghĩa vô thần và cho sự phục hồi quyền lực Công giáo. Điều đó được xác định là hệ quả trực tiếp của áp lực ngoại giao của Vatican và là một cột mốc trong sự ứng nghiệm của Đa-ni-ên 11:40; Ukraina được nêu như một ví dụ hữu hình về việc chế độ giáo hoàng giành lại ảnh hưởng tại các lãnh thổ cộng sản trước đây.

Ukraina như bằng chứng về bước tiến của quyền bính Giáo hoàng

Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản được hiểu không chỉ là một biến động chính trị, mà còn là một thất bại về phương diện thiêng liêng của chủ nghĩa vô thần, là một bước tiến địa chính trị của Tòa Thánh, và là khởi đầu cho việc Tòa Thánh trở lại vị thế thống trị toàn cầu. Ukraina trở thành một trường hợp nghiên cứu về việc dỡ bỏ sự đàn áp tôn giáo của Liên Xô và một thắng lợi mang tính chiến lược của Rôma tại Đông Âu. Điều đó biểu thị sự chuyển dịch hữu hình từ chủ nghĩa vô thần cưỡng bách sang quyền bính Công giáo được phục hồi, và việc hợp pháp hóa Giáo hội Công giáo Ukraina được coi là sự xác nhận mang tính ngôn sứ rằng vua phương bắc quét sạch vua phương nam "như cơn lốc."

Ukraine và trình tự ngôn sứ bao quát hơn

1. 1798 - Chế độ giáo hoàng chịu một vết thương chí tử.
2. 1917 - Chủ nghĩa vô thần chuyển sang Nga (Cách mạng Bolshevik).
3. 1989 - Liên bang Xô viết sụp đổ.
4. Ukraina - Giáo Hội Công Giáo được hợp pháp hóa.
5. Chức Giáo hoàng khôi phục ảnh hưởng địa chính trị.
6. Hoa Kỳ cuối cùng sẽ nằm dưới ảnh hưởng của Giáo hoàng (Đa-ni-ên 11:41).
7. Toàn thế giới đều theo (Đa-ni-ên 11:42-43).

Ukraina nằm trong các giai đoạn 3–4, như một phần của quá trình chuyển tiếp giữa chủ nghĩa vô thần Liên Xô và ảnh hưởng của Giáo hoàng được tái lập.

Tài liệu tham khảo trong cuộc thảo luận về Ukraina

- Jeff Pippenger (khung khổ thần học chính yếu)

Thần Khí của Lời Tiên Tri

- Cuộc Đại Tranh Chiến
- Những Sứ điệp Tuyển chọn
- Những Lời Chứng cho Hội Thánh

Báo chí thế tục

- Tạp chí Time
- Tạp chí Life
- Tin tức Hoa Kỳ & Bản tường trình Thế giới

Ukraina được đề cập liên quan đến:

- Bách hại người Công giáo thời hậu Thế chiến II
- Sự sống còn trong hoạt động bí mật của Giáo hội Công giáo Ukraina
- Ngoại giao Gorbachev-Vatican
- Sự khôi phục hợp pháp của phẩm trật Công giáo

Bản tóm lược vai trò của Ukraina trong bản tin

Ukraina là một thành trì của Công giáo bị đàn áp dưới chủ nghĩa vô thần Xô-viết. Việc hợp pháp hóa Giáo hội Công giáo Ukraina báo hiệu sự suy yếu của vua phương nam. Ảnh hưởng của Vatican tại Ukraina cho thấy sự trỗi dậy của chế độ giáo hoàng, và sự chuyển dịch tôn giáo của Ukraina đóng vai trò như bằng chứng hữu hình rằng Đa-ni-ên 11:40 đang được ứng nghiệm. Những biến cố xoay quanh Ukraina cấu thành một phần của bước đầu tiên trong sự chữa lành vết thương chí tử của chế độ giáo hoàng. Do đó, Ukraina không được trình bày như một biến cố chính trị biệt lập, nhưng như một dấu mốc tiên tri trong những diễn tiến sau cùng của Đa-ni-ên 11.